

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/KDTM-PT
Ngày 04-3-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2 mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 386/2025/TLPT-KDTM ngày 18/12/2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2025/KDTM-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2026/QĐ-PT ngày 08/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 2012/2026/QĐ-PT ngày 06/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH F; trụ sở tại: Số B, đường P, phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ mới: Tầng B, tòa nhà E - E đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim C; nơi cư trú: Lầu E, Toà nhà Hồng Thiện M, số D A đường 3 tháng 2, phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 06/5/2025), có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Công ty TNHH C2; trụ sở tại: Số E, khu phố E, đường V, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số D đường A, khu phố D, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 24/7/2023), vắng mặt.

+ Ông Z, T1, sinh năm 1971; Quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ liên lạc: Số E, khu phố E, đường V, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Địa chỉ theo đơn kháng cáo: số F đường M, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Z, T1, Luật sư Lê Thị Mỹ H, Văn phòng Luật sư Võ Tấn Đ, Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Z, T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Công ty TNHH C2 (gọi tắt Công ty C2) là khách hàng của Công ty TNHH F (gọi tắt là nguyên đơn). Công ty C2 bắt đầu đặt hàng trực tiếp hoặc thông qua điện thoại một số mặt hàng như Decal CLW3P, Decal lớp xe, màn cangk bóng... với nguyên đơn. Sau thời gian dài hợp tác, nhận thấy Công ty C2 là khách hàng thường xuyên, thân thiết, có số lượng đơn đặt hàng ổn định mỗi tháng. Do đó, ngày 02/01/2022, nguyên đơn và Công ty C2 ký Hợp đồng nguyên tắc số V13B1018/FPV-2022 để ghi nhận việc giao dịch và phương thức giao nhận hàng hoá cũng như phương thức thanh toán, các quyền và nghĩa vụ của các bên. Hợp đồng nguyên tắc số V13B1018/FPV-2022 ngày 02/01/2022 do ông Z, T1 là Phó tổng Giám đốc Công ty C2 ký (theo Giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật là bà Xôi Kim L) có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Sau khi ký hợp đồng, mỗi tháng nguyên đơn đều nhận được đơn đặt hàng của Công ty C2.

Về số nợ mà nguyên đơn yêu cầu Công ty C2 thanh toán thuộc các đơn hàng của tháng 2, 3, 4, 5, 6 và 7 năm 2022; các đơn hàng tháng 2, 3, 4, 5 đã được nguyên đơn giao đúng hạn theo yêu cầu. Riêng đơn hàng của tháng 6 và tháng 7 do ảnh hưởng của dịch C1 nên các bên đồng ý thỏa thuận giao hàng vào tháng 10. Tổng số tiền theo các đơn hàng trên là 9.148.983.946 đồng. Công ty C2 nhận hàng đầy đủ, nguyên đơn đã cung cấp hóa đơn tài chính, giữa hai Công ty cũng đã có biên bản đối chiếu công nợ của mỗi tháng. Phía Công ty C2 không có bất kỳ khiếu nại hay ý kiến gì đối với hàng hóa của nguyên đơn giao. Vì đã có giao dịch với nhau nhiều lần và đã thực hiện việc mua bán với nhau nhiều năm, có sự tin tưởng vào uy tín của Công ty C2 nên khi Công ty C2 chậm thanh toán tiền hàng thì nguyên đơn vẫn giao hàng theo đúng các đơn đặt hàng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Công ty C2 thanh toán toàn bộ công nợ

với tổng số tiền 9.148.983.946 đồng. Ngày 16/12/2022 giữa Công ty C2 và nguyên đơn ký Bản cam kết trả nợ, theo đó các bên xác nhận số nợ trên, ghi nhận cam kết phương án trả nợ của Công ty C2. Do Công ty C2 không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết và để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty C2, ông Z, T1 đã ký “Bản cam kết đảm bảo nghĩa vụ trả nợ”, đồng ý cam kết sẽ trả toàn bộ số nợ nêu trên nếu như Công ty C2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, theo bản cam kết ngày 16/12/2022.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn yêu cầu Công ty C2 thanh toán số nợ 9.148.983.946 đồng. Trường hợp Công ty C2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Z, T1 có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty C2 như đã cam kết.

** Đại diện bị đơn (Công ty C2) ông Nguyễn Chí T trình bày:* Thống nhất Công ty C2 và Công ty F1 có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau, ngày 02/01/2022 nguyên đơn và Công ty C2 ký kết Hợp đồng nguyên tắc số V13B1018/FPV-2022. Công ty C2 thống nhất đã nhận đầy đủ hàng theo các đơn hàng tháng 2, 3, 4, 5, 6 và 7 năm 2022 với tổng số tiền còn nợ 9.148.983.946 đồng. Trước đây việc chậm thanh toán là được sự đồng ý của nguyên đơn. Các bên có thống nhất sau từng đợt giao hàng thì Công ty C2 thanh toán xong mới giao hàng tiếp, tuy nhiên các đợt giao hàng nói trên Công ty C2 chưa thanh toán tiền nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục giao hàng. Hiện nay, Công ty C2 đang gặp khó khăn về tài chính nên đề nghị nguyên đơn cho Công ty C2 đến tháng 10/2026 thanh toán hết khoản nợ 9.148.983.946 đồng.

** Bị đơn ông Z, T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng có lời khai:* Bà Xôi Kim L là đại diện theo pháp luật của Công ty C2, uỷ quyền cho ông Z, Tanyong quản lý và điều hành Công ty C2. Việc mua bán hàng hoá là để phục vụ sản xuất cho Công ty C2. Số tiền 9.148.983.946 đồng Công ty C2 nợ nguyên đơn là đúng như trong bản cam kết đảm bảo nghĩa vụ trả nợ ngày 16/12/2022 do nguyên đơn cung cấp. Đây là khoản nợ của Công ty C2 trong việc mua hàng của nguyên đơn nhằm phục vụ cho việc kinh doanh, sản xuất của Công ty C2, không phải là khoản vay cá nhân nên ông Z, T1 không đồng ý cùng Công ty C2 trả nợ. Trường hợp Toà án buộc ông Z, T1 cùng Công ty Lê Bảo trả nợ thì đề nghị xem xét cho trả nợ sau tháng 10/2026, vì hiện nay ông Z, T1 đang gặp khó khăn về tài chính.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn (ông Z, T1) bà Lê Thị Mỹ H trình bày:* Bà H là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Z, T1, không phải là đại diện theo uỷ quyền; ông Zhou T1 đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung Bản cam kết bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Z, Tanyong để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 13/2025/KDTM-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH F đối với bị đơn Công ty TNHH C2 về việc “Tranh chấp hợp mua bán hàng hoá”.

Buộc Công ty TNHH C2 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH F số tiền mua hàng còn nợ 9.148.983.946 đồng (Chín tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Trường hợp Công ty TNHH C2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì ông Z, T1 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Công ty TNHH F.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2025 bị đơn ông Z, T1 có đơn kháng cáo đề nghị ghi nhận việc thực hiện trả nợ sau tháng 10/2026.

Đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Z, T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Z, T1 có ý kiến: Bị đơn ông Z, T1 thống nhất thừa nhận Công ty C2 có nợ nguyên đơn số tiền 9.148.983.946 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trách nhiệm trả nợ là của Công ty C2. Trường hợp Công ty C2 không trả được nợ thì ông Z, T1 sẽ trả và thời hạn trả nợ là đến tháng 10/2026. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Z, T1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Bản cam kết ngày 09/02/2023 được ông Z, T1 ký kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, nội dung phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực, là cơ sở xác định quyền và nghĩa vụ của các bên; thời hạn thực hiện là trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm ký cam kết; do đó việc ông Z, T1 kháng cáo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ sau tháng 10/2026 là không có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày tranh tụng của nguyên đơn, ý kiến của

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Z, T1 và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Z, T1 được thực hiện trong thời hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại cấp phúc thẩm, đại diện bị đơn Công ty C2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; ông Z, T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty C2 trả số tiền hàng đã nhận nhưng chưa thanh toán là 9.148.983.946 đồng; trường hợp Công ty C2 không trả được thì buộc bị đơn ông Z, T1 trả số tiền trên. Chứng cứ là Hợp đồng nguyên tắc số V13B1018/FPV-2022 ngày 02/01/2022, các đơn đặt hàng, các hóa đơn, Bản cam kết trả nợ ngày 16/12/2022, bản cam kết bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn Công ty C2 và ông Z, T1 thừa nhận quá trình mua bán hàng hóa, số tiền hàng còn nợ của Công ty C2 đối với nguyên đơn là 9.148.983.946 đồng tuy nhiên đề nghị được trả nợ sau tháng 10/2026.

[2.2] Bị đơn ông Z, T1 kháng cáo cho rằng ông chỉ đồng ý trả nợ thay cho Công ty C2 khi Công ty C2 không trả và Công ty C2 và ông Z, T1 chỉ có thể thực hiện việc trả nợ này sau thời điểm tháng 10/2026 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên không rõ nội dung thời hạn trả nợ là sau tháng 10/2026 làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Z, T1 thấy rằng: Công ty C2 và ông Z, T1 đều thừa nhận Công ty C2 còn nợ tiền hàng và đồng ý thanh toán nợ cho nguyên đơn 9.148.983.946 đồng, trường hợp Công ty C2 không trả thì ông Z, T1 sẽ trả thay cho Công ty C2. Sự thừa nhận của các bên đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sự thừa nhận nợ và cam kết trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn để buộc bị đơn Công ty C2 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 9.148.983.946 đồng là phù hợp, trường hợp Công ty C2 không trả thì ông Z, T1 phải trả cho nguyên đơn là đúng với cam kết của ông Z, T1. Bị đơn ông Z, T1 kháng cáo cho rằng sau tháng 10/2026 mới có điều kiện thanh toán nên đề nghị trả nợ cho nguyên đơn sau tháng 10/2026 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh 2 bên có thỏa thuận thanh toán nợ sau tháng 10/2026. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không đồng ý

để bị đơn Công ty C2 và ông Z, Tanyong trả nợ sau tháng 10/2026 nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Z, T1.

[4] Từ các phân tích trên, xét thấy, bị đơn ông Z, T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Z, T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Zhou T1 là không phù hợp.

[7] Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Z, T1, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2025/KDTM-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí phúc thẩm: ông Z, T1 phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040058 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (04/3/2026)./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực X, Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực X, Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VTLT, Tòa DS, HSVA 9b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Ngọc Mai